

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 334 /QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 09 tháng 7 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực
Chăn nuôi và Thú y thuộc thẩm quyền giải quyết của ngành Nông nghiệp và
Môi trường trên địa bàn tỉnh Đồng Nai**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định có liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 2229/QĐ-UBND ngày 26 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính ban hành mới; thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực Chăn nuôi và Thú y thuộc thẩm quyền giải quyết của ngành Nông nghiệp và Môi trường trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 10/TTr-SoNNMT ngày 03 tháng 7 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này xây dựng quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực Chăn nuôi và Thú y thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước thẩm quyền giải quyết của ngành Nông nghiệp và Môi trường trên địa bàn tỉnh Đồng Nai. Cụ thể:

1. Cấp tỉnh

- Ban hành mới 17 quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính (09 thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực chăn nuôi và 08 thủ tục hành chính lĩnh vực thú y);

- Thay thế 08 quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính (02 thủ tục hành chính lĩnh vực chăn nuôi và 06 thủ tục hành chính lĩnh vực thú y).

2. Cấp xã: Ban hành mới 02 quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính cấp xã.

3. Bãi bỏ 02 quy trình giải quyết thủ tục hành chính cấp huyện ban hành kèm theo Quyết định số 2945/QĐ-UBND ngày 09 tháng 10 năm 2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính ban hành mới thuộc thẩm quyền giải quyết của ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Đồng Nai.

(Quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính đính kèm)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

- Thay thế các quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính có số thứ tự:

+ Số thứ tự 1, 2 Mục I A ban hành kèm theo Quyết định số 3297/QĐ-UBND ngày 29 tháng 11 năm 2022 Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố thủ tục hành chính, quy trình điện tử thực hiện thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, bị bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Đồng Nai;

+ Số thứ tự 1, 2, 3, 4 Mục I A ban hành kèm theo Quyết định số 651/QĐ-UBND ngày 05 tháng 4 năm 2023 Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố thủ tục hành chính và quy trình điện tử thực hiện thủ tục hành chính được ban hành mới, được sửa đổi/bổ sung và bị bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Đồng Nai;

+ Số thứ tự 5, 15 mục I A ban hành kèm theo Quyết định số 3675/QĐ-UBND ngày 30 tháng 9 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố thủ tục hành chính và Quy trình điện tử thực hiện thủ tục hành chính được ban hành mới; được sửa đổi/bổ sung và bị bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã tỉnh Đồng Nai.

- Bãi bỏ 02 quy trình giải quyết thủ tục hành chính cấp huyện (mã thủ tục hành chính số 1.012836, 1.012837) ban hành kèm theo Quyết định số 2945/QĐ-UBND ngày 09 tháng 10 năm 2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính ban hành mới thuộc thẩm quyền giải quyết của ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Đồng Nai.

Điều 3. Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường, Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã và các cơ quan, đơn vị liên quan có trách nhiệm tổ chức tiếp nhận và giải quyết thủ tục hành chính theo các quy trình giải quyết thủ tục hành chính nêu trên.

Sở Khoa học và Công nghệ phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường, và các cơ quan, đơn vị liên quan cập nhật và gỡ bỏ quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính đã được công bố lên Hệ thống thông tin và giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh (Igate). Thực hiện cấu hình, tích hợp, kết nối dịch vụ công trực tuyến đủ điều kiện lên Cổng dịch vụ công Quốc gia theo quy định.

Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp Sở Khoa học và Công nghệ nộp hồ sơ dịch vụ công trực tuyến kiểm thử để đồng bộ lên Cổng Dịch vụ công quốc gia.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Khoa học và Công nghệ, Nông nghiệp và Môi trường; Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Cục Kiểm soát thủ tục hành chính;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTN, HCC.



**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Trường Sơn



PHỤ LỤC
QUY TRÌNH GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC CHĂN NUÔI VÀ THỦ Y THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐỒNG NAI
(Ban hành kèm theo Quyết định số 334 /QĐ-UBND ngày 09 / 7 /2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

PHẦN I. QUY TRÌNH GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BAN HÀNH MỚI

STT	TRÌNH TỰ THỰC HIỆN	ĐƠN VỊ GIẢI QUYẾT TTHC	THỜI GIAN GIẢI QUYẾT TTHC	Phí, lệ phí (vnd)	Ghi chú
A. QUY TRÌNH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH					
I. Lĩnh vực Chăn nuôi					
1. Công bố thông tin sản phẩm thực ăn bổ sung sản xuất trong nước. Mã TTHC 3.000127. Toàn trình					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (trực tuyến, trực tiếp, bưu chính công ích)	Bộ phận Một cửa Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày làm việc	Không	
Bước 2	Chuyển xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Chi cục Chăn nuôi và Thủy sản	0,5 ngày làm việc		
Bước 3	Xử lý hồ sơ	Phòng Chăn nuôi	11,5 ngày làm việc		
Bước 4	Phê duyệt hồ sơ (<i>Trường hợp hồ sơ cần bổ sung, không đủ điều kiện giải quyết phải có văn bản thông báo cụ thể</i>)	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	01 ngày làm việc		
Bước 5	Chuyển hồ sơ, ký phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Chủ tịch UBND tỉnh	01 ngày làm việc		
Bước 6	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận Một cửa Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày làm việc		
Tổng cộng thời gian giải quyết			15 ngày làm việc		

STT	TRÌNH TỰ THỰC HIỆN	ĐƠN VỊ GIẢI QUYẾT TTHC	THỜI GIAN GIẢI QUYẾT TTHC	Phí, lệ phí (vnd)	Ghi chú
2. Công bố thông tin sản phẩm thức ăn bổ sung nhập khẩu. Mã TTHC 3.000128. Toàn trình					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (trực tuyến, trực tiếp, bưu chính công ích)	Bộ phận Một cửa Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày làm việc	Không	
Bước 2	Chuyển xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Chi cục Chăn nuôi và Thủy sản	0,5 ngày làm việc		
Bước 3	Xử lý hồ sơ	Phòng Chăn nuôi	11,5 ngày làm việc		
Bước 4	Phê duyệt hồ sơ (<i>Trường hợp hồ sơ cần bổ sung, không đủ điều kiện giải quyết phải có văn bản thông báo cụ thể</i>)	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	01 ngày làm việc		
Bước 5	Chuyển hồ sơ, ký phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Chủ tịch UBND tỉnh	01 ngày làm việc		
Bước 6	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận Một cửa Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày làm việc		
Tổng cộng thời gian giải quyết			15 ngày làm việc		
3. Công bố lại thông tin sản phẩm thức ăn bổ sung. Mã TTHC 3.000129 - Toàn trình					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (trực tuyến, trực tiếp, bưu chính công ích)	Bộ phận Một cửa Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,25 ngày làm việc	Không	
Bước 2	Chuyển xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Chi cục Chăn nuôi và Thủy sản	0,25 ngày làm việc		
Bước 3	Xử lý hồ sơ	Phòng Chăn nuôi	7,5 ngày làm việc		
Bước 4	Phê duyệt hồ sơ (<i>Trường hợp hồ sơ cần bổ sung, không đủ điều kiện giải quyết phải có văn bản thông báo cụ thể</i>)	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày làm việc		

STT	TRÌNH TỰ THỰC HIỆN	ĐƠN VỊ GIẢI QUYẾT TTHC	THỜI GIAN GIẢI QUYẾT TTHC	Phí, lệ phí (vnd)	Ghi chú
Bước 5	Chuyển hồ sơ, ký phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Chủ tịch UBND tỉnh	01 ngày làm việc		
Bước 6	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận Một cửa Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày làm việc		
Tổng cộng thời gian giải quyết			10 ngày làm việc		
4. Thay đổi thông tin sản phẩm thức ăn bổ sung. Mã TTHC 3.000130 Toàn trình					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (trực tuyến, trực tiếp, bưu chính công ích)	Bộ phận Một cửa Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,25 ngày làm việc		
Bước 2	Chuyển xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Chi cục Chăn nuôi và Thủy sản	0,25 ngày làm việc		
Bước 3	Xử lý hồ sơ	Phòng Chăn nuôi	7,5 ngày làm việc		
Bước 4	Phê duyệt hồ sơ (<i>Trường hợp hồ sơ cần bổ sung, không đủ điều kiện giải quyết phải có văn bản thông báo cụ thể</i>)	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày làm việc		
Bước 5	Chuyển hồ sơ, ký phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Chủ tịch UBND tỉnh	01 ngày làm việc		
Bước 6	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận Một cửa Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày làm việc		
Tổng cộng thời gian giải quyết			10 ngày làm việc		
5. Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi. Mã TTHC: 1.011031- Một phần					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (trực tuyến, trực tiếp, bưu chính công ích)	Bộ phận Một cửa Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày làm việc		
Bước 2	Chuyển xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Chi cục Chăn nuôi và Thủy sản	0,5 ngày làm việc		
				Không	

STT	TRÌNH TỰ THỰC HIỆN	ĐƠN VỊ GIẢI QUYẾT TTHC	THỜI GIAN GIẢI QUYẾT TTHC	Phí, lệ phí (vnd)	Ghi chú
Bước 3	Xử lý hồ sơ	Phòng Chăn nuôi	15 ngày làm việc		
Bước 4	Phê duyệt hồ sơ (<i>Trường hợp hồ sơ cần bổ sung, không đủ điều kiện giải quyết phải có văn bản thông báo cụ thể</i>)	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày làm việc		
Bước 5	Chuyển hồ sơ, ký phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Chủ tịch UBND tỉnh	03 ngày làm việc		
Bước 6	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận Một cửa Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày làm việc		
Tổng cộng thời gian giải quyết					
6. Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi. Mã TTHC: 1.011032 - Toàn trình					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (trực tuyến, trực tiếp, bưu chính công ích)	Bộ phận Một cửa Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,25 ngày làm việc	Không	
Bước 2	Chuyển xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Chi cục Chăn nuôi và Thủy sản	0,25 ngày làm việc		
Bước 3	Xử lý hồ sơ	Phòng Chăn nuôi	1,5 ngày làm việc		
Bước 4	Phê duyệt hồ sơ (<i>Trường hợp hồ sơ cần bổ sung, không đủ điều kiện giải quyết phải có văn bản thông báo cụ thể</i>)	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,25 ngày làm việc		
Bước 5	Chuyển hồ sơ, ký phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Chủ tịch UBND tỉnh	0,5 ngày làm việc		
Bước 6	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận Một cửa Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,25 ngày làm việc		
Tổng cộng thời gian giải quyết				03 ngày làm việc	

STT	TRÌNH TỰ THỰC HIỆN	ĐƠN VỊ GIẢI QUYẾT TTHC	THỜI GIAN GIẢI QUYẾT TTHC	Phí, lệ phí (vnđ)	Ghi chú
7. Đăng ký kiểm tra xác nhận chất lượng thức ăn chăn nuôi nhập khẩu. Mã TTHC: 1.008124 Toàn trình					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (trực tuyến, trực tiếp, bưu chính công ích)	Bộ phận Một cửa Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,25 ngày làm việc	Không	
Bước 2	Chuyển xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Chi cục Chăn nuôi và Thủy sản	0,25 ngày làm việc		
Bước 3	Xử lý hồ sơ	Phòng Chăn nuôi	1,5 ngày làm việc		
Bước 4	Phê duyệt hồ sơ (<i>Trường hợp hồ sơ cần bổ sung, không đủ điều kiện giải quyết phải có văn bản thông báo cụ thể</i>)	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,25 ngày làm việc		
Bước 5	Chuyển hồ sơ, ký phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Chủ tịch UBND tỉnh	0,5 ngày làm việc	Không	
Bước 6	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận Một cửa Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,25 ngày làm việc		
Tổng cộng thời gian giải quyết			03 ngày làm việc		
8. Miễn giảm kiểm tra chất lượng thức ăn chăn nuôi nhập khẩu. Mã TTHC: 1.008125 Toàn trình					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (trực tuyến, trực tiếp, bưu chính công ích)	Bộ phận Một cửa Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,25 ngày làm việc	Không	
Bước 2	Chuyển xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Chi cục Chăn nuôi và Thủy sản	0,25 ngày làm việc		
Bước 3	Xử lý hồ sơ	Phòng Chăn nuôi	1,5 ngày làm việc		
Bước 4	Phê duyệt hồ sơ (<i>Trường hợp hồ sơ cần bổ sung, không đủ điều kiện giải quyết phải có văn bản thông báo cụ thể</i>)	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,25 ngày làm việc		

STT	TRÌNH TỰ THỰC HIỆN	ĐƠN VỊ GIẢI QUYẾT TTHC	THỜI GIAN GIẢI QUYẾT TTHC	Phí, lệ phí (vnd)	Ghi chú
Bước 5	Chuyển hồ sơ, ký phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Chủ tịch UBND tỉnh	0,5 ngày làm việc		
Bước 6	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận Một cửa Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,25 ngày làm việc		
Tổng cộng thời gian giải quyết					
9. Cấp Giấy phép nhập khẩu thức ăn chăn nuôi chưa được công bố thông tin trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Nông nghiệp và Môi trường Mã TTHC: 1.008122					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (trực tuyến, trực tiếp, bưu chính công ích)	Bộ phận Một cửa Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,25 ngày làm việc	350.000 đồng/01 sản phẩm/mục đích/lần	
Bước 2	Chuyển xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Chi cục Chăn nuôi và Thủy sản	0,25 ngày làm việc		
Bước 3	Xử lý hồ sơ	Phòng Chăn nuôi	7,5 ngày làm việc		
Bước 4	Phê duyệt hồ sơ (<i>Trường hợp hồ sơ cần bổ sung, không đủ điều kiện giải quyết phải có văn bản thông báo cụ thể</i>)	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày làm việc		
Bước 5	Chuyển hồ sơ, ký phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Chủ tịch UBND tỉnh	01 ngày làm việc		
Bước 6	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận Một cửa Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày làm việc		
Tổng cộng thời gian giải quyết			10 ngày làm việc		

STT	TRÌNH TỰ THỰC HIỆN	ĐƠN VỊ GIẢI QUYẾT TTHC	THỜI GIAN GIẢI QUYẾT TTHC	Phí, lệ phí (vnđ)	Ghi chú
II. LĨNH VỰC THỦ Y					
1. Cấp, gia hạn Chứng chỉ hành nghề thú y (gồm: Sản xuất, kiểm nghiệm, khảo nghiệm, xuất khẩu, nhập khẩu thuốc thú y) Mã TTHC 1.004756 - Một phần					
a) Trường hợp cấp mới					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (trực tuyến, trực tiếp, bưu chính công ích)	Bộ phận Một cửa Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày làm việc	50.000 đồng/CCHN	
Bước 2	Chuyển xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Chi cục Chăn nuôi và Thủy sản	0,5 ngày làm việc		
Bước 3	Xử lý hồ sơ (Trường hợp hồ sơ cần bổ sung, không đủ điều kiện giải quyết phải có văn bản thông báo cụ thể)	Phòng Thú y	03 ngày làm việc		
Bước 4	Ký duyệt và chuyển qua giải quyết TTHC	Lãnh đạo Chi cục Chăn nuôi và Thủy sản	0,5 ngày làm việc		
Bước 5	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận Một cửa Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày làm việc		
Tổng cộng thời gian giải quyết			05 ngày làm việc		
b) Đối với trường hợp gia hạn.					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (trực tuyến, trực tiếp, bưu chính công ích)	Bộ phận Một cửa Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày làm việc	50.000 đồng/CCHN	
Bước 2	Chuyển xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Chi cục Chăn nuôi và Thủy sản	0,5 ngày làm việc		
Bước 3	Xử lý hồ sơ (Trường hợp hồ sơ cần bổ sung, không đủ điều kiện giải quyết phải có văn bản thông báo cụ thể)	Phòng Thú y	01 ngày làm việc		
Bước 4	Ký duyệt và chuyển qua giải quyết TTHC	Lãnh đạo Chi cục Chăn nuôi và Thủy sản	0,5 ngày làm việc		

STT	TRÌNH TỰ THỰC HIỆN	ĐƠN VỊ GIẢI QUYẾT TTHC	THỜI GIAN GIẢI QUYẾT TTHC	Phí, lệ phí (vnd)	Ghi chú
Bước 5	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận Một cửa Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày làm việc		
Tổng cộng thời gian giải quyết			03 ngày làm việc		
2. Cấp lại Chứng chỉ hành nghề thú y (trong trường hợp bị mất, sai sót, hư hỏng; có thay đổi thông tin liên quan đến cá nhân đã được cấp Chứng chỉ hành nghề thú y gồm: sản xuất, kiểm nghiệm, khảo nghiệm, xuất khẩu, nhập khẩu thuốc thú y) Mã thủ tục 1.004734 - Một phần					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (trực tuyến, trực tiếp, bưu chính công ích)	Bộ phận Một cửa Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày làm việc	50.000 đồng/CCHN	
Bước 2	Chuyển xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Chi cục Chăn nuôi và Thủy sản	0,5 ngày làm việc		
Bước 3	Xử lý hồ sơ (Trường hợp hồ sơ cần bổ sung, không đủ điều kiện giải quyết phải có văn bản thông báo cụ thể)	Phòng Thú y	01 ngày làm việc		
Bước 4	Ký duyệt và chuyển qua giải quyết TTHC	Lãnh đạo Chi cục Chăn nuôi và Thủy sản	0,5 ngày làm việc		
Bước 5	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận Một cửa Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày làm việc		
Tổng cộng thời gian giải quyết			03 ngày làm việc		
3. Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện nhập khẩu thuốc thú y . Mã TTHC 1.002409 - Một phần					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (trực tuyến, trực tiếp, bưu chính công ích)	Bộ phận Một cửa Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày làm việc	Kiểm tra điều kiện nhập khẩu thuốc thú y, thuốc thú y thủy sản: 450.000 đồng/lần	
Bước 2	Chuyển xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Chi cục Chăn nuôi và Thủy sản	0,5 ngày làm việc		
Bước 3	Xử lý hồ sơ	Phòng Thú y	4 ngày làm việc		
Bước 4	Phê duyệt hồ sơ (Trường hợp hồ sơ cần bổ sung, không đủ điều kiện giải quyết phải có văn bản thông báo cụ thể)	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày làm việc		

STT	TRÌNH TỰ THỰC HIỆN	ĐƠN VỊ GIẢI QUYẾT TTHC	THỜI GIAN GIẢI QUYẾT TTHC	Phí, lệ phí (vnd)	Ghi chú
Bước 5	Chuyển hồ sơ, ký phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Chủ tịch UBND tỉnh	02 ngày làm việc		
Bước 6	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận Một cửa Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày làm việc		
Tổng cộng thời gian giải quyết			8 ngày làm việc		
4. Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện nhập khẩu thuốc thú y (trong trường hợp bị mất, sai sót, hư hỏng; thay đổi thông tin có liên quan đến tổ chức đăng ký). Mã TTHC 1.002373 - Toàn trình					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (trực tuyến, trực tiếp, bưu chính công ích)	Bộ phận Một cửa Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,25 ngày làm việc		
Bước 2	Chuyển xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Chi cục Chăn nuôi và Thủy sản	0,25 ngày làm việc		
Bước 3	Xử lý hồ sơ	Phòng Thú y	2,75 ngày làm việc		
Bước 4	Phê duyệt hồ sơ (<i>Trường hợp hồ sơ cần bổ sung, không đủ điều kiện giải quyết phải có văn bản thông báo cụ thể</i>)	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày làm việc		Không
Bước 5	Chuyển hồ sơ, ký phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Chủ tịch UBND tỉnh	01 ngày làm việc		
Bước 6	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận Một cửa Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,25 ngày làm việc		
Tổng cộng thời gian giải quyết			5 ngày làm việc		
5. Kiểm tra nhà nước về chất lượng thuốc thú y nhập khẩu. Mã TTHC 1.003703 - Một phần					
* Đối với thuốc thú y nhập khẩu theo kết quả chứng nhận của tổ chức đã đăng ký hoặc thừa nhận					
- Xác nhận vào bản đăng ký của người nhập khẩu: 01 ngày làm việc.					

STT	TRÌNH TỰ THỰC HIỆN	ĐƠN VỊ GIẢI QUYẾT TTHC	THỜI GIAN GIẢI QUYẾT TTHC	Phí, lệ phí (vnd)	Ghi chú
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (trực tuyến, trực tiếp, bưu chính công ích)	Bộ phận Một cửa Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,125 ngày làm việc	Không	
Bước 2	Xử lý hồ sơ	Phòng Thú y Chi cục Chăn nuôi và Thủy sản	0,25 ngày làm việc		
Bước 3	Phê duyệt hồ sơ (<i>Trường hợp hồ sơ cần bổ sung, không đủ điều kiện giải quyết phải có văn bản thông báo cụ thể</i>)	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,25 ngày làm việc		
Bước 4	Chuyển hồ sơ, ký phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Chủ tịch UBND tỉnh	0,25 ngày làm việc		
Bước 5	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận Một cửa Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,125 ngày làm việc		
Tổng cộng thời gian giải quyết			01 ngày làm việc		
* Đối với thuốc thú y nhập khẩu theo kết quả chứng nhận của tổ chức chứng nhận được chỉ định:					
- Trường hợp hồ sơ đầy đủ					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (trực tuyến, trực tiếp, bưu chính công ích)	Bộ phận Một cửa Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,125 ngày làm việc	Không	
Bước 2	Xử lý hồ sơ	Phòng Thú y Chi cục Chăn nuôi và Thủy sản	0,25 ngày làm việc		
Bước 3	Phê duyệt hồ sơ (<i>Trường hợp hồ sơ cần bổ sung, không đủ điều kiện giải quyết phải có văn bản thông báo cụ thể</i>)	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,25 ngày làm việc		
Bước 4	Chuyển hồ sơ, ký phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Chủ tịch UBND tỉnh	0,25 ngày làm việc		

STT	TRÌNH TỰ THỰC HIỆN	ĐƠN VỊ GIẢI QUYẾT TTHC	THỜI GIAN GIẢI QUYẾT TTHC	Phí, lệ phí (vnd)	Ghi chú
Bước 5	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận Một cửa Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,125 ngày làm việc		
Tổng cộng thời gian giải quyết			01 ngày làm việc		
- Trường hợp hồ sơ đầy đủ nhưng không phù hợp					
+ Trường hợp hàng hóa không đáp ứng yêu cầu về nhãn, cơ quan kiểm tra ra thông báo kết quả kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa nhập khẩu không đáp ứng yêu cầu chất lượng theo quy định tại Mẫu số 03 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này, yêu cầu người nhập khẩu khắc phục về nhãn hàng hóa					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (trực tuyến, trực tiếp, bưu chính công ích)	Bộ phận Một cửa Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,25 ngày làm việc		
Bước 2	Chuyển xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Chi cục Chăn nuôi và Thủy sản	0,25 ngày làm việc		
Bước 3	Xử lý hồ sơ	Phòng Thú y	2,75 ngày làm việc		
Bước 4	Phê duyệt hồ sơ (Trường hợp hồ sơ cần bổ sung, không đủ điều kiện giải quyết phải có văn bản thông báo cụ thể)	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày làm việc		
Bước 5	Chuyển hồ sơ, ký phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Chủ tịch UBND tỉnh	01 ngày làm việc		
Bước 6	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận Một cửa Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,25 ngày làm việc		
Tổng cộng thời gian giải quyết			05 ngày làm việc		
+ Trường hợp hàng hóa nhập khẩu có chứng chỉ chất lượng không phù hợp với hồ sơ của lô hàng nhập khẩu hoặc chứng chỉ chất lượng không phù hợp với tiêu chuẩn công bố áp dụng, quy chuẩn kỹ thuật tương ứng, cơ quan kiểm tra ra thông báo kết quả kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa nhập khẩu không đáp ứng yêu cầu chất lượng theo quy định tại Mẫu số 03 gửi tới cơ quan hải quan và người nhập khẩu. Đồng thời báo cáo cơ quan quản lý có thẩm quyền để xử lý theo quy định tại Khoản 2 Điều 8 Nghị định này					

STT	TRÌNH TỰ THỰC HIỆN	ĐƠN VỊ GIẢI QUYẾT TTHC	THỜI GIAN GIẢI QUYẾT TTHC	Phí, lệ phí (vnđ)	Ghi chú	
+ Trường hợp hồ sơ không đầy đủ, cơ quan kiểm tra xác nhận các hạng mục hồ sơ còn thiếu trong phiếu tiếp nhận hồ sơ và yêu cầu người nhập khẩu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ trong thời hạn 15 ngày làm việc đối với được phẩm thú y và 60 ngày đối với vắc xin, kháng thể thú y, nếu quá thời hạn mà vẫn chưa bổ sung đủ hồ sơ thì người nhập khẩu phải có văn bản gửi cơ quan kiểm tra nêu rõ lý do và thời gian hoàn thành. Các bước kiểm tra tiếp theo chỉ được thực hiện sau khi người nhập khẩu hoàn thiện đầy đủ hồ sơ.						
+ Trường hợp người nhập khẩu không hoàn thiện đầy đủ hồ sơ trong thời hạn quy định, trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ khi hết thời hạn bổ sung hồ sơ, cơ quan kiểm tra ra thông báo kết quả kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa nhập khẩu theo quy định						
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (trực tuyến, trực tiếp, bưu chính công ích)	Bộ phận Một cửa Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,125 ngày làm việc			
Bước 2	Xử lý hồ sơ	Phòng Thú y	0,25 ngày làm việc			
Bước 3	Phê duyệt hồ sơ (Trường hợp hồ sơ cần bổ sung, không đủ điều kiện giải quyết phải có văn bản thông báo cụ thể)	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,25 ngày làm việc			
Bước 4	Chuyển hồ sơ, ký phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Chủ tịch UBND tỉnh	0,25 ngày làm việc			
Bước 5	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận Một cửa Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,125 ngày làm việc			
Tổng cộng thời gian giải quyết			01 ngày làm việc			
* Đối với thuốc thú y áp dụng miễn kiểm tra chất lượng						
Thông báo bằng văn bản yêu cầu hoàn thiện hồ sơ						
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (trực tuyến, trực tiếp, bưu chính công ích)	Bộ phận Một cửa Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,25 ngày làm việc			
Bước 2	Chuyển xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Chi cục Chăn nuôi và Thủy sản	0,25 ngày làm việc			
Bước 3	Xử lý hồ sơ	Phòng Thú y	01 ngày làm việc			

STT	TRÌNH TỰ THỰC HIỆN	ĐƠN VỊ GIẢI QUYẾT TTHC	THỜI GIAN GIẢI QUYẾT TTHC	Phí, lệ phí (vnđ)	Ghi chú
Bước 4	Phê duyệt hồ sơ (<i>Trường hợp hồ sơ cần bổ sung, không đủ điều kiện giải quyết phải có văn bản thông báo cụ thể</i>)	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,25 ngày làm việc		
Bước 5	Chuyển hồ sơ, ký phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Chủ tịch UBND tỉnh	01 ngày làm việc		
Bước 6	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận Một cửa Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,25 ngày làm việc		
Tổng cộng thời gian giải quyết			03 ngày làm việc		
Xác nhận miễn kiểm tra nhà nước về chất lượng					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (trực tuyến, trực tiếp, bưu chính công ích)	Bộ phận Một cửa Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,25 ngày làm việc		
Bước 2	Chuyển xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Chi cục Chăn nuôi và Thủy sản	0,25 ngày làm việc		
Bước 3	Xử lý hồ sơ	Phòng Thú y	2,75 ngày làm việc		
Bước 4	Phê duyệt hồ sơ (<i>Trường hợp hồ sơ cần bổ sung, không đủ điều kiện giải quyết phải có văn bản thông báo cụ thể</i>)	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày làm việc		
Bước 5	Chuyển hồ sơ, ký phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Chủ tịch UBND tỉnh	01 ngày làm việc		
Bước 6	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận Một cửa Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,25 ngày làm việc		
Tổng cộng thời gian giải quyết			05 ngày làm việc		

STT	TRÌNH TỰ THỰC HIỆN	ĐƠN VỊ GIẢI QUYẾT TTHC	THỜI GIAN GIẢI QUYẾT TTHC	Phí, lệ phí (vnđ)	Ghi chú
6. Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc thú y (trừ sản xuất thuốc thú y dạng được phẩm, vắc xin). Mã TTHC 1.002549 – Một phần					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (trực tuyến, trực tiếp, bưu chính công ích)	Bộ phận Một cửa	0,5 ngày làm việc	- Cơ sở mới thành lập có 1 dây chuyền (hoặc 1 phân xưởng); Hoặc cơ sở đang hoạt động có 2 dây chuyền (hoặc 2 phân xưởng) trở lên: 1.025.000 đồng/lần. - Cơ sở mới thành lập có từ 2 dây chuyền (hoặc 2 phân xưởng) trở lên: 1.300.000 đồng/lần. - Cơ sở đang hoạt động có 1 dây chuyền (hoặc 1 phân xưởng): 700.000 đồng/lần.	
Bước 2	Chuyển xử lý hồ sơ	Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày làm việc		
Bước 3	Xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Chi cục Chăn nuôi và Thủy sản	4 ngày làm việc		
Bước 4	Phê duyệt hồ sơ (Trường hợp hồ sơ cần bổ sung, không đủ điều kiện giải quyết phải có văn bản thông báo cụ thể)	Phòng Thú y	0,5 ngày làm việc		
Bước 5	Chuyển hồ sơ, ký phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	02 ngày làm việc		
Bước 6	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Chủ tịch UBND tỉnh	0,5 ngày làm việc		
Tổng cộng thời gian giải quyết				8 ngày làm việc	
7. Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc thú y trong trường hợp bị mất, sai sót, hư hỏng; thay đổi thông tin có liên quan đến tổ chức đăng ký (trừ sản xuất thuốc thú y dạng được phẩm, vắc xin). Mã TTHC 1.002432 - Toàn trình					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (trực tuyến, trực tiếp, bưu chính công ích)	Bộ phận Một cửa	0,25 ngày làm việc	Không	
Bước 2	Chuyển xử lý hồ sơ	Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,25 ngày làm việc		
Bước 3	Xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Chi cục Chăn nuôi và Thủy sản	0,25 ngày làm việc		
		Phòng Thú y	2,75 ngày làm việc		

STT	TRÌNH TỰ THỰC HIỆN	ĐƠN VỊ GIẢI QUYẾT TTHC	THỜI GIAN GIẢI QUYẾT TTHC	Phí, lệ phí (vnd)	Ghi chú
Bước 4	Phê duyệt hồ sơ (<i>Trường hợp hồ sơ cần bổ sung, không đủ điều kiện giải quyết phải có văn bản thông báo cụ thể</i>)	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày làm việc		
Bước 5	Chuyển hồ sơ, ký phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Chủ tịch UBND tỉnh	01 ngày làm việc		
Bước 6	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận Một cửa Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,25 ngày làm việc		
Tổng cộng thời gian giải quyết			05 ngày làm việc		
8. Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc thú y có chứa chất ma túy, tiền chất (trừ sản xuất thuốc thú y dạng được phẩm vắc xin). Mã TTHC 1.011326 – Một phần					
8.1 Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc thú y có chứa chất ma túy, tiền chất (trừ sản xuất thuốc thú y dạng được phẩm vắc xin)					
a) Trường hợp Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc thú y có chứa chất ma túy, tiền chất					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (trực tuyến, trực tiếp, bưu chính công ích)	Bộ phận Một cửa Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày làm việc	- Cơ sở mới thành lập có 1 dây chuyền (hoặc 1 phân xưởng); Hoặc cơ sở đang hoạt động có 2 dây chuyền (hoặc 2 phân xưởng) trở lên: 1.025.000 đồng/lần. - Cơ sở mới thành lập có từ 2 dây chuyền (hoặc 2 phân xưởng) trở lên: 1.300.000 đồng/lần. - Cơ sở đang hoạt động có 1 dây chuyền (hoặc 1 phân xưởng): 700.000	
Bước 2	Chuyển xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Chi cục Chăn nuôi và Thủy sản	0,5 ngày làm việc		
Bước 3	Xử lý hồ sơ	Phòng Thú y	4 ngày làm việc		
Bước 4	Phê duyệt hồ sơ (<i>Trường hợp hồ sơ cần bổ sung, không đủ điều kiện giải quyết phải có văn bản thông báo cụ thể</i>)	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày làm việc		
Bước 5	Chuyển hồ sơ, ký phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Chủ tịch UBND tỉnh	02 ngày làm việc		
Bước 6	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận Một cửa Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày làm việc		

STT	TRÌNH TỰ THỰC HIỆN	ĐƠN VỊ GIẢI QUYẾT TTHC	THỜI GIAN GIẢI QUYẾT TTHC	Phí, lệ phí (vnd)	Ghi chú
Tổng cộng thời gian giải quyết					
b) Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc thú y có chứa chất ma túy, tiền chất cùng trên dây chuyền sản xuất thuốc thú y đã được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc thú y					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (trực tuyến, trực tiếp, bưu chính công ích)	Bộ phận Một cửa Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,25 ngày làm việc	- Cơ sở mới thành lập có 1 dây chuyền (hoặc 1 phân xưởng); Hoặc cơ sở đang hoạt động có 2 dây chuyền (hoặc 2 phân xưởng) trở lên: 1.025.000 đồng/lần. - Cơ sở mới thành lập có từ 2 dây chuyền (hoặc 2 phân xưởng) trở lên: 1.300.000 đồng/lần. - Cơ sở đang hoạt động có 1 dây chuyền (hoặc 1 phân xưởng): 700.000 đồng/lần.	
Bước 2	Chuyển xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Chi cục Chăn nuôi và Thủy sản	0,25 ngày làm việc		
Bước 3	Xử lý hồ sơ	Phòng Thú y	2,75 ngày làm việc		
Bước 4	Phê duyệt hồ sơ (Trường hợp hồ sơ cần bổ sung, không đủ điều kiện giải quyết phải có văn bản thông báo cụ thể)	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày làm việc		
Bước 5	Chuyển hồ sơ, ký phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Chủ tịch UBND tỉnh	01 ngày làm việc		
Bước 6	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận Một cửa Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,25 ngày làm việc		
Tổng cộng thời gian giải quyết			05 ngày làm việc		
8.2. Trường hợp 2. Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc thú y có chứa chất ma túy, tiền chất trong trường hợp giấy chứng nhận bị mất, sai sót, hư hỏng hoặc có thay đổi về thông tin của cơ quan, tổ chức (trừ sản xuất thuốc thú y dạng được phẩm, vắc-xin). Mã TTHC 1.011326					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (trực tuyến, trực tiếp, bưu chính công ích)	Bộ phận Một cửa Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,25 ngày làm việc	Không	
Bước 2	Chuyển xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Chi cục Chăn nuôi và Thủy sản			0,25 ngày làm việc

STT	TRÌNH TỰ THỰC HIỆN	ĐƠN VỊ GIẢI QUYẾT TTHC	THỜI GIAN GIẢI QUYẾT TTHC	Phí, lệ phí (vnd)	Ghi chú
Bước 3	Xử lý hồ sơ	Phòng Thú y	2,75 ngày làm việc		
Bước 4	Phê duyệt hồ sơ (<i>Trường hợp hồ sơ cần bổ sung, không đủ điều kiện giải quyết phải có văn bản thông báo cụ thể</i>)	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày làm việc		
Bước 5	Chuyển hồ sơ, ký phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Chủ tịch UBND tỉnh	01 ngày làm việc		
Bước 6	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận Một cửa Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,25 ngày làm việc		
Tổng cộng thời gian giải quyết			05 ngày làm việc		
8.3 Trường hợp 3. Sửa đổi Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc thú y có chứa chất ma túy, tiền chất trong trường hợp có thay đổi về địa điểm, quy mô, chủng loại, loại hình nghiên cứu, sản xuất (trừ sản xuất thuốc thú y dạng được phẩm, vắc-xin). Mã TTHC 1.011326					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (trực tuyến, trực tiếp, bưu chính công ích)	Bộ phận Một cửa Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày làm việc		
Bước 2	Chuyển xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Chi cục Chăn nuôi và Thủy sản	0,5 ngày làm việc		
Bước 3	Xử lý hồ sơ	Phòng Thú y	10 ngày làm việc		
Bước 4	Phê duyệt hồ sơ (<i>Trường hợp hồ sơ cần bổ sung, không đủ điều kiện giải quyết phải có văn bản thông báo cụ thể</i>)	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	01 ngày làm việc		Không
Bước 5	Chuyển hồ sơ, ký phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Chủ tịch UBND tỉnh	2,5 ngày làm việc		
Bước 6	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận Một cửa Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày làm việc		
Tổng cộng thời gian giải quyết			15 ngày làm việc		

STT	TRÌNH TỰ THỰC HIỆN	ĐƠN VỊ GIẢI QUYẾT TTHC	THỜI GIAN GIẢI QUYẾT TTHC	Phí, lệ phí (vnd)	Ghi chú
B. QUY TRÌNH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ					
I. LĨNH VỰC CHĂN NUÔI					
1. Hồ trợ chi phí về vật tư phối giống nhân tạo gia súc gồm tinh đông lạnh, Nitor lỏng, găng tay và dụng cụ dẫn tinh để phối giống cho trâu, bò cái; chi phí về liệu tinh để thực hiện phối giống cho lợn nái, công cho người làm dịch vụ phối giống nhân tạo gia súc (trâu, bò). Mã thủ tục: 1.012836					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (trực tuyến, trực tiếp, bưu chính công ích)	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả TTHC cấp xã	0,5 ngày	Không	
Bước 2	Xử lý hồ sơ	Phòng chuyên môn cấp xã/phường	16 ngày		
Bước 3	Ký duyệt hồ sơ	Lãnh đạo UBND xã/phường	3 ngày		
Bước 4	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả TTHC cấp xã	0,5 ngày		
Tổng cộng thời gian giải quyết			20 ngày		
2. Phê duyệt hồ trợ kinh phí đào tạo, tập huấn để chuyển đổi từ chăn nuôi sang các nghề khác; chi phí cho cá nhân được đào tạo về kỹ thuật phối giống nhân tạo gia súc (trâu, bò); chi phí mua bình chứa Nitor lỏng chứa Nitor lỏng bảo quản tinh cho người làm dịch vụ phối giống nhân tạo gia súc (trâu, bò) đối với các chính sách sử dụng vốn sự nghiệp nguồn ngân sách nhà nước. Mã thủ tục: 1.012837					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (trực tuyến, trực tiếp, bưu chính công ích)	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả TTHC cấp xã	0,5 ngày	không	
Bước 2	Xử lý hồ sơ	Phòng chuyên môn cấp xã/phường	16 ngày		
Bước 3	Ký duyệt hồ sơ	Lãnh đạo UBND xã/phường	3 ngày		
Bước 4	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả TTHC cấp xã	0,5 ngày		
Tổng cộng thời gian giải quyết			20 ngày		

PHẦN II. QUY TRÌNH GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THAY THẾ

CÁC BƯỚC	TRÌNH TỰ THỰC HIỆN	ĐƠN VỊ GIẢI QUYẾT TTHC	THỜI GIAN GIẢI QUYẾT TTHC	Phí, lệ phí (vnđ)	Ghi chú
A. CẤP TỈNH					
I. LĨNH VỰC CHĂN NUÔI					
1. Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi Mã TTHC 1.008126 - Một phần					
- Đối với cơ sở sản xuất thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh, thức ăn đậm đặc, thức ăn bổ sung					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (trực tuyến, trực tiếp, bưu chính công ích)	Bộ phận Một cửa Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày làm việc	Thẩm định cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi (trường hợp phải đánh giá điều kiện thực tế): 5.700.000 đồng/01 cơ sở/lần	
Bước 2	Chuyển xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Chi cục Chăn nuôi và Thủy sản	01 ngày làm việc		
Bước 3	Xử lý hồ sơ	Phòng Chăn nuôi	21 ngày làm việc		
Bước 4	Trình lãnh đạo Sở dự thảo kết quả xử lý hồ sơ (<i>Trường hợp hồ sơ cân bằng, không đủ điều kiện giải quyết phải có văn bản thông báo cụ thể</i>)	Lãnh đạo Chi cục	01 ngày làm việc		
Bước 5	Chuyển hồ sơ, ký phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	01 ngày làm việc		
Bước 6	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận Một cửa Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày làm việc		
Tổng cộng thời gian giải quyết			25 ngày làm việc		
- Đối với cơ sở sản xuất (sản xuất, sơ chế, chế biến) thức ăn chăn nuôi truyền thống nhằm mục đích thương mại, theo đặt hàng:					

CÁC BƯỚC	TRÌNH TỰ THỰC HIỆN	ĐƠN VỊ GIẢI QUYẾT TTHC	THỜI GIAN GIẢI QUYẾT TTHC	Phí, lệ phí (vnđ)	Ghi chú
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (trực tuyến, trực tiếp, bưu chính công ích)	Bộ phận Một cửa Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày làm việc	Thẩm định cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi (trường hợp không đánh giá điều kiện thực tế): 1.600.000 đồng/01 cơ sở/lần.	
Bước 2	Chuyển xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Chi cục Chăn nuôi và Thủy sản	0,5 ngày làm việc		
Bước 3	Xử lý hồ sơ	Phòng Chăn nuôi	7,5 ngày làm việc		
Bước 4	Trình lãnh đạo Sở dự thảo kết quả xử lý hồ sơ (<i>Trường hợp hồ sơ cân bằng, không đủ điều kiện giải quyết phải có văn bản thông báo cụ thể</i>)	Lãnh đạo Chi cục	0,5 ngày làm việc		
Bước 5	Chuyển hồ sơ, ký phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày làm việc		
Bước 6	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận Một cửa Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày làm việc		
Tổng cộng thời gian giải quyết			10 ngày làm việc		
2. Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi Mã TTHC 1.008127 – Một phần					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (trực tuyến, trực tiếp, bưu chính công ích)	Bộ phận Một cửa Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,25 ngày làm việc	250.000 đ/01 cơ sở/lần	
Bước 2	Chuyển xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Chi cục Chăn nuôi và Thủy sản	0,5 ngày làm việc		
Bước 3	Xử lý hồ sơ	Phòng Chăn nuôi	03 ngày làm việc		
Bước 4	Trình lãnh đạo Sở dự thảo kết quả xử lý hồ sơ (<i>Trường hợp hồ sơ cân bằng, không đủ điều kiện giải quyết phải có văn bản thông báo cụ thể</i>)	Lãnh đạo Chi cục	0,5 ngày làm việc		
Bước 5	Chuyển hồ sơ, ký phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,25 ngày làm việc		

CÁC BƯỚC	TRÌNH TỰ THỰC HIỆN	ĐƠN VỊ GIẢI QUYẾT TTHC	THỜI GIAN GIẢI QUYẾT TTHC	Phí, lệ phí (vnđ)	Ghi chú
Bước 6	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận Một cửa Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày làm việc		
Tổng cộng thời gian giải quyết			05 ngày làm việc		
II- LĨNH VỰC THỦ Y					
1. Cấp Giấy xác nhận nội dung quảng cáo thuốc thú y. Mã thủ tục: 1004022					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (trực tuyến, trực tiếp, bưu chính công ích)	Bộ phận Một cửa Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày làm việc	900.000 đồng/lần	
Bước 2	Chuyển xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Chi cục Chăn nuôi và Thủy sản	0,5 ngày làm việc		
Bước 3	Xử lý hồ sơ (<i>Trường hợp hồ sơ cần bổ sung, không đủ điều kiện giải quyết phải có văn bản thông báo cụ thể</i>)	Phòng Thú y	03 ngày làm việc		
Bước 4	Ký duyệt và chuyển qua giải quyết TTHC	Lãnh đạo Chi cục Chăn nuôi và Thủy sản	0,5 ngày làm việc		
Bước 5	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận Một cửa Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày làm việc		
Tổng cộng thời gian giải quyết			05 ngày làm việc		
2. Cấp Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật (trừ cơ sở an toàn dịch bệnh theo yêu cầu của nước nhập khẩu). Mã thủ tục: 1.011475 Toàn trình					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (trực tuyến, trực tiếp, bưu chính công ích)	Bộ phận Một cửa Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày	- Phí thẩm định đối với cơ sở an toàn dịch bệnh động vật: 300.000 đồng/lần	
Bước 2	Chuyển xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Chi cục Chăn nuôi và Thủy sản	0,5 ngày		
Bước 3	Xử lý hồ sơ	Phòng Thú y	12 ngày		

CÁC BƯỚC	TRÌNH TỰ THỰC HIỆN	ĐƠN VỊ GIẢI QUYẾT TTHC	THỜI GIAN GIẢI QUYẾT TTHC	Phí, lệ phí (vnđ)	Ghi chú
Bước 4	Ký phê duyệt và chuyển kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo Chi cục Chăn nuôi và Thủy sản	0,5 ngày	- Chi phí xét nghiệm mẫu (nếu có): Theo Phụ lục 2 Biểu khung giá dịch vụ chẩn đoán thú y Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính	
Bước 5	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận Một cửa Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày		
Tổng cộng thời gian giải quyết			14 ngày		
3. Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật (trừ cơ sở an toàn dịch bệnh theo yêu cầu của nước nhập khẩu). Mã thủ tục: 1.011477.					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (trực tuyến, trực tiếp, bưu chính công ích)	Bộ phận Một cửa Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,25 ngày làm việc	- Phí thẩm định đối với cơ sở an toàn dịch bệnh động vật: 300.000 đồng/lần - Chi phí xét nghiệm mẫu (nếu có): Theo Phụ lục 2 Biểu khung giá dịch vụ chẩn đoán thú y Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính	
Bước 2	Chuyển xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Chi cục Chăn nuôi và Thủy sản	0,25 ngày làm việc		
Bước 3	Xử lý hồ sơ	Phòng Thú y	2,5 ngày làm việc		
Bước 4	Ký phê duyệt và chuyển kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo Chi cục Chăn nuôi và Thủy sản	0,25 ngày làm việc		
Bước 5	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận Một cửa Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,25 ngày làm việc		
Tổng cộng thời gian giải quyết			3,5 ngày làm việc		
4. Cấp Giấy chứng nhận vùng an toàn dịch bệnh động vật (trừ vùng an toàn dịch bệnh cấp tỉnh và vùng an toàn dịch bệnh phục vụ xuất khẩu). Mã thủ tục: 1.011478 (Một phần)					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (trực tuyến, trực tiếp, bưu chính công ích)	Bộ phận Một cửa Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày		

CÁC BƯỚC	TRÌNH TỰ THỰC HIỆN	ĐƠN VỊ GIẢI QUYẾT TTHC	THỜI GIAN GIẢI QUYẾT TTHC	Phí, lệ phí (vnđ)	Ghi chú
Bước 2	Chuyển xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Chi cục Chăn nuôi và Thủy sản	0,5 ngày	- Phí thẩm định đối với vùng an toàn dịch bệnh đồng vật: 3.500.000 đồng/lần - Chi phí xét nghiệm mẫu (nếu có): Theo Phụ lục 2 Biểu khung giá dịch vụ chẩn đoán thú y Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính	
Bước 3	Xử lý hồ sơ	Phòng Thú y	19 ngày		
Bước 4	Ký phê duyệt và chuyển kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo Chi cục Chăn nuôi và Thủy sản	0,5 ngày		
Bước 5	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận Một cửa Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày		
Tổng cộng thời gian giải quyết			21 ngày		

5. Cấp lại Giấy chứng nhận vùng an toàn dịch bệnh đồng vật (trừ vùng an toàn dịch bệnh cấp tỉnh và vùng an toàn dịch bệnh phục vụ xuất khẩu).
Mã thủ tục: 1.011479 (Một phần)

Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (trực tuyến, trực tiếp, bưu chính công ích)	Bộ phận Một cửa Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,25 ngày làm việc	Phí thẩm định đối với vùng an toàn dịch bệnh đồng vật: 3.500.000 đồng/lần
Bước 2	Chuyển xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Chi cục Chăn nuôi và Thủy sản	0,25 ngày làm việc	
Bước 3	Xử lý hồ sơ	Phòng Thú y	02 ngày làm việc	
Bước 4	Ký phê duyệt và chuyển kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo Chi cục Chăn nuôi và Thủy sản	0,25 ngày làm việc	
Bước 5	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận Một cửa Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,25 ngày làm việc	
Tổng cộng thời gian giải quyết			03 ngày làm việc	

6. Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp Tỉnh. Mã thủ tục: 2.000873.- Trực tiếp

6. Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp Tỉnh. Mã thủ tục: 2.000873.- Trực tiếp

CÁC BƯỚC	TRÌNH TỰ THỰC HIỆN	ĐƠN VỊ GIẢI QUYẾT TTHC	THỜI GIAN GIẢI QUYẾT TTHC	Phí, lệ phí (vnđ)	Ghi chú
- Đối với động vật, sản phẩm động vật thủy sản quy định tại khoản 1 Điều 53 của Luật thú y: 04 ngày làm việc					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ	Phòng chuyên môn hoặc Trạm Chăn nuôi và Thủy sản khu vực được ủy quyền	0,5 ngày làm việc		- Mục III Thông tư số 285/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y - Phụ lục II Biểu khung giá dịch vụ chẩn đoán thú y kèm theo Thông tư số 283/2016/TT-BTC
Bước 2	Thông báo về địa điểm, thời gian kiểm dịch	Kiểm dịch viên động vật được ủy quyền	01 ngày làm việc		
Bước 3	Thực hiện kiểm dịch	Kiểm dịch viên động vật được ủy quyền	02 ngày làm việc		
Bước 4	Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch	Kiểm dịch viên động vật được ủy quyền	0,5 ngày làm việc		
Tổng cộng thời gian giải quyết			04 ngày làm việc		
- Đối với động vật thủy sản làm giống xuất phát từ cơ sở an toàn dịch bệnh hoặc tham gia chương trình giám sát dịch bệnh: 01 ngày làm việc					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ	Phòng chuyên môn hoặc Trạm Chăn nuôi và Thủy sản khu vực được ủy quyền	0,5 ngày làm việc		- Mục III Thông tư số 285/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y - Phụ lục II Biểu khung giá dịch vụ chẩn đoán thú y kèm theo Thông tư số 283/2016/TT-BTC
Bước 2	Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch	Kiểm dịch viên động vật được ủy quyền	0,5 ngày làm việc		
Tổng cộng thời gian giải quyết			01 ngày làm việc		

C. QUY TRÌNH GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BẠI BỎ

STT	Mã THHC	Tên thủ tục hành chính	Căn cứ pháp lý
A	CẤP HUYỆN		
I	Lĩnh vực Thú y		
1	1.012836	Hỗ trợ chi phí về vật tư phổi giống nhân tạo gia súc gồm tinh đông lạnh, Nitơ lỏng, găng tay và dụng cụ dẫn tinh để phổi giống cho trâu, bò cái; chi phí về liệu tinh để thực hiện phổi giống cho lợn nái, công cho người làm dịch vụ phổi giống nhân tạo gia súc (trâu, bò)	- Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ - Thông tư số 09/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường
2	1.012837	Phê duyệt hồ trợ kinh phí đào tạo, tập huấn để chuyển đổi từ chăn nuôi sang các nghề khác; chi phí cho cá nhân được đào tạo về kỹ thuật phổi giống nhân tạo gia súc (trâu, bò); chi phí mua bình chứa Nitơ lỏng bảo quản tinh cho người làm dịch vụ phổi giống nhân tạo gia súc (trâu, bò) đối với các chính sách sử dụng vốn sự nghiệp nguồn ngân sách nhà nước	